

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 – 2023
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Trung;
2. Bà Lê Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TL.ST-HNGĐ, ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Bích T, sinh năm 1989, trú tại: Khu vực Long Định, phường LH, quận ÔM, TP. Cần Thơ (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh H, sinh năm 1990, trú tại: Ấp 1B, thị trấn MN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Trần Minh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại phường Long Hưng, quận Ô Môn, TP.Cần Thơ vào năm 2018. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa trong chuyện tình cảm và chuyện kinh tế, ông Hiếu thường xuyên bạo lực với bà nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Do đó, bà cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Hiếu nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hiếu.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Trương Mỹ T1(nữ), sinh ngày 15/4/2019, đang chung sống cùng bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Mỹ Trinh, không yêu cầu ông Hiếu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trần Minh H không tham dự nên không ghi nhận được ý kiến của ông Hiếu dù ông Hiếu đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Bích T; Về con chung: Giao cháu Trần Trương Mỹ T1(nữ), sinh ngày 15/4/2019 cho Bà Trương Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông Hiếu chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Bích T và ông Trần Minh H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Long Hưng, quận Ô Môn, TP.Cần Thơ vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do đó, bà Trương Thị Bích T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với

ông Trần Minh H và yêu cầu được nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Bích T và ông Trần Minh H vắng mặt bà Thảo, ông Hiếu đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thị Bích T và ông Trần Minh H.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Bích T: Bà Trương Thị Bích T và ông Trần Minh H tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc. Bà Trương Thị Bích T có đơn yêu cầu xin ly hôn, ông Trần Minh H cũng không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia hòa giải và tham dự phiên tòa để thể hiện quan điểm và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông bà đã ở trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trương Thị Bích T được ly hôn với ông Trần Minh H.

[3.2] Về con chung: Bà Trương Thị Bích T và ông Trần Minh H có 01 con chung là cháu Trần Trương Mỹ T1(nữ), sinh ngày 15/4/2019, hiện đang chung sống với bà Thảo. Bà Trương Thị Bích T có nguyện vọng sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trinh và không yêu cầu ông Trần Minh H cấp dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Trinh cũng như đảm bảo ổn định về mặt tâm lý cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Bích T, giao cháu Mỹ Trinh cho bà Trương Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, bà Trương Thị Bích T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Trần Minh H chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Bích T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

[3.4] Về nợ chung: Bà Trương Thị Bích T khai không có nợ chung phần này chưa xác định được do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Do đó, Hội đồng

xét xử tách ra chưa xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh phần nợ chung sau này sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác khi có đương sự yêu cầu.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Bích T đối với ông Trần Minh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cấp ngày 21/8/2018 cho ông Trần Minh H và bà Trương Thị Bích T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Trương Mỹ T1(nữ), sinh ngày 15/4/2019 cho bà Trương Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Trần Minh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Tách ra chưa giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Bích T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Thảo đã nộp theo biên lai số 0012344 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND phường Long Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Chiên